

Số: 973 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 24 tháng 3 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Giao chỉ tiêu thực hiện Chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình
tại tỉnh Bình Định năm 2017**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ hiện Nghị quyết số 29/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XII, kỳ họp thứ 3 Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 59/TTr-SYT ngày 16/3/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu thực hiện Chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình năm 2017 cho các địa phương trong tỉnh theo 02 Phụ lục đính kèm.

- Phụ lục 1: Chỉ tiêu giảm sinh năm 2017.

- Phụ lục 2: Chỉ tiêu thực hiện các biện pháp tránh thai năm 2017.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Y tế căn cứ các chỉ tiêu thực hiện Chương trình Dân số - Kế hoạch hoá gia đình năm 2017 phê duyệt tại Điều 1 để hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện thống nhất và đạt mục tiêu, kết quả đề ra.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Dân số - Kế hoạch hoá gia đình và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu VP, K1, K15



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục 1.



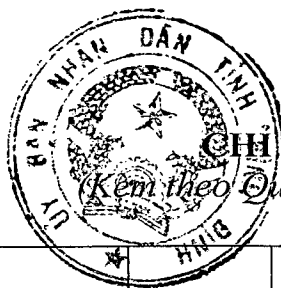
CHỈ TIÊU GIẢM SINH NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 913 /QĐ-UBND ngày 21 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Dân số trung bình (1.000 người)			Mức giảm tỷ lệ sinh (‰)	Giảm tỷ lệ sinh con thứ ba (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh (điểm %)
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017					
1	Thành phố Quy Nhơn	286,3	287,1	287,9	0,00	0,00	40,0	21,0	-
2	Huyện Tuy Phước	184,0	184,6	185,3	0,10	0,30	40,0	21,0	-
3	Thị xã An Nhơn	182,9	183,7	184,5	0,00	0,10	40,0	21,0	-
4	Huyện Phù Cát	192,2	192,9	193,6	0,10	0,20	40,0	21,0	-
5	Huyện Phù Mỹ	173,1	173,7	174,3	0,10	0,60	40,0	21,0	-
6	Huyện Hoài Nhơn	210,2	210,9	211,6	0,10	0,30	40,0	21,0	-
7	Huyện Tây Sơn	126,1	126,5	126,9	0,15	0,20	40,0	21,0	-
8	Huyện Hoài Ân	86,3	86,6	87,0	0,20	0,30	40,0	21,0	-
9	Huyện Vân Canh	25,2	25,3	25,4	0,40	0,01	40,0	21,0	-
10	Huyện Vĩnh Thạnh	28,6	28,7	28,8	0,15	0,15	40,0	21,0	-
11	Huyện An Lão	24,7	24,8	25,0	0,80	0,15	40,0	21,0	-
	Toàn tỉnh	1.519,6	1.524,8	1.530,3	0,10	0,20	40,0	21,0	0,3

Ghi chú: Những địa phương được giao chỉ tiêu bằng 0 tương ứng với việc duy trì mức sinh, mức sinh con thứ 3 trở lên như năm 2016

Phụ lục 2.



CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 913 /QĐ-UBND ngày 21 /3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Tổng BPTT	Triệt sản	Dụng cụ tử cung		Thuốc cấy tránh thai		Thuốc tiêm tránh thai		Viên uống tránh thai		Bao cao su		Sàng lọc trước sinh được hỗ trợ	Sàng lọc sơ sinh được hỗ trợ
				Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí	Tổng số	Miễn phí		
1	TP. Quy Nhơn	13.580	20	2.850	1.985	110	32	1.450	795	3.850	1.125	5.300	700	50	300
2	Huyện Tuy Phước	11.570	40	2.500	1.750	130	39	1.500	825	3.500	1.050	3.900	500	0	150
3	Thị xã An Nhơn	10.880	20	2.450	1.715	110	33	1.400	770	3.300	990	3.600	500	20	30
4	Huyện Phù Cát	12.370	30	2.450	1.715	140	42	1.550	853	4.300	1.290	3.900	500	60	50
5	Huyện Phù Mỹ	11.245	35	2.800	1.960	110	33	1.500	825	3.200	960	3.600	500	60	200
6	Huyện Hoài Nhơn	11.790	40	2.650	1.855	100	30	1.700	935	3.200	960	4.100	600	50	200
7	Huyện Tây Sơn	7.920	20	1.400	980	100	30	1.600	880	2.400	720	2.400	360	30	50
8	Huyện Hoài Ân	6.830	30	1.600	1.120	100	30	900	495	2.000	600	2.200	300	30	100
9	Huyện Vân Canh	2.265	5	350	245	60	18	650	358	650	195	550	290	60	100
10	Huyện Vĩnh Thạnh	2.255	5	160	110	100	30	640	350	900	270	450	200	30	50
11	Huyện An Lão	2.215	15	90	65	110	33	700	385	800	240	500	250	100	150
	Toàn tỉnh	92.920	260	19.300	13.500	1.170	350	13.590	7.470	28.100	8.400	30.500	4.700	490	1.380